TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** *******	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Án số: 83/2019/HNGĐ-PT. Ngày: 23-5-2019.	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
V/v: Giải quyết yêu cầu chia tài sản chung và nợ sau ly hôn.	**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trí Cường.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền và bà Bùi Thị Thu Hồng.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lưu Việt Thắng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan, Kiểm sát viên.

Ngày 23-5-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án Hôn nhân & Gia đình thụ lý số 206/2018/TLPT-HNGĐ ngày 04-12-2018. Do Bản án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm số 66/2018/HNGĐ-ST ngày 28-9-2018 của Tòa án nhân dân huyện BV bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2019/QĐXX-PT ngày 05-4-2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2019/QĐ-HPT ngày 17-4-2019; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 45/2019/QĐ-PT ngày 15-4-2019.

Vụ án xét xử giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị LTX, sinh năm 1972.

* Bị đơn: Anh BST, sinh năm: 1972.

Cùng địa chỉ: Thôn Yên Sơn, xã BV, huyện BV, thành phố Hà Nội.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh BSP, sinh năm 1970.

2. Anh BSV, sinh năm: 1985.

Cùng địa chỉ: Thôn Yên Sơn, xã BV, huyện BV, thành phố Hà Nội.

3. Ủy ban nhân dân xã BV, huyện BV, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Trung Liên, chức vụ: Chủ tịch UBND xã BV, ủy quyền cho ông Lý Sinh Vượng, chức vụ: Phó chủ tịch UBND xã BV.

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 203/QĐST-HNGĐ ngày 23-8-2017 của Tòa án nhân dân huyện BV thì chị LTX và anh BST đã ly hôn. Tại Quyết định này, chị LTX và anh BST tự thỏa thuận phân

chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, sau khi ly hôn chị LTX và anh BST không tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, nợ chung dẫn đến tranh chấp.

Chị LTX đã khởi kiện vụ án chia tài sản chung và cùng anh BST xác định tài sản chung là quyền sử dụng 365m^2 đất tại thửa số số 425, tờ bản đồ số 02 thuộc thôn Yên Sơn, xã BV, huyện BV, thành phố Hà Nội. Trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 ba gian, 02 gian nhà bếp và công trình phụ.

Tại Biên bản định giá tài sản ngày 28-5-2018, Hội đồng định giá đã xác định:

1. 01 nhà cấp 4, bốn gian, xây dựng năm 2006, diện tích 10,2m x 7m = 71,4m^2, còn 40% giá trị sử dụng, thành tiền là 511.000 đồng x 71,4m^2 = 36.485.000 đồng.

2. 01 nhà bếp lợp fibro xi măng, diện tích 5,2m x 3,1m = 16,12m^2, còn 40% giá trị sử dụng, thành tiền là 457.000 đồng x 16,2m^2 = 7.367.000 đồng.

3. 01 nhà vệ sinh, đổ mái bằng, diện tích 3,7m x 2,3m = 8,51m^2, còn 60% giá trị sử dụng, thành tiền là 2.398.000 đồng x 8,51m^2 = 20.406.000 đồng.

4. 01 sân đổ bê tông, diện tích 11m x 6,7m= 73,7m^2, còn 60% giá trị sử dụng, thành tiền là 158.000 đồng x 73,7m^2 = 11.646.000 đồng.

5. 01 diện tích đất 365m^2 tại thôn Yên Sơn, xã BV trị giá 101.390.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản chung của chị LTX và anh Thọ là 177.294.000 đồng.

* Tại buổi làm việc với Tòa án nhân dân huyện BV ngày 14-6-2018 anh BST đồng ý với kết quả định giá đối với các công trình nhà vệ sinh, nhà bếp và sân nhưng không đồng ý với giá đất và giá trị nhà. Cụ thể, anh BST tự định giá 365m^2 đất là 140.000.000 đồng, nhà là 150.000.000 đồng, tổng giá trị tài sản là 329.419.000 đồng. Anh BST yêu cầu nếu chị LTX đồng ý lấy toàn bộ đất và tài sản trên đất thì phải thanh toán cho anh BST số tiền là 164.709.000 đồng.

Ngoài ra anh BST khai các khoản nợ trong thời kỳ hôn nhân gồm:

1. Nợ anh BSP – Trú tại: Thôn Yên Sơn, xã BV, huyện BV, thành phố Hà Nội. Số tiền là 15.000.000 đồng.

2. Nợ anh BSV – Trú tại: Thôn Yên Sơn, xã BV, huyện BV, thành phố Hà Nội. Số tiền là 50.000.000 đồng.

3. Nợ anh Bàn Sinh Trung - Trú tại: Thôn Yên Sơn, xã BV, huyện BV, thành phố Hà Nội. Số tiền là 20.000.000 đồng.

4. Nợ anh Dương Phú Nguyên - Trú tại: Thôn Yên Sơn, xã BV, huyện BV, thành phố Hà Nội. Số tiền là 10.000.000 đồng.

5. Nợ anh Lý Văn Bảy - Trú tại: Thôn Yên Sơn, xã BV, huyện BV, thành phố Hà Nội. Số tiền là 2.000.000 đồng.

6. Nợ anh Đoài ở xã Ba Trại, huyện BV, thành phố Hà Nội số tiền 5.000.000 đồng mua vật liệu xây nhà.

7. Nợ anh Cần ở thôn Bát Đầm, xã Tản Lĩnh, huyện BV, thành phố Hà Nội số tiền 1.500.000 đồng mua vật liệu xây nhà.

Tổng nợ chung của anh BST và chị LTX là 103.500.000 đồng. Tuy nhiên anh BST không cung cấp được đầy đủ tuổi, địa chỉ nên rút yêu cầu với các khoản nợ đối với các khoản nợ anh Đoài và anh Cần.

Do chị LTX khởi kiện chia tài sản chung sau ly hôn nên anh BST đề nghị Tòa án chia đôi trách nhiệm trả nợ chung.

Đại diện UBND xã BV xác định: Năm 2003, khi còn là vợ chồng, anh BST và chị LTX khai hoang 725m^2 đất hình thành thửa số 425, tờ bản đồ 02 thuộc thôn Yên Sơn, xã BV, huyện BV, thành phố Hà Nội và nộp đơn xin cấp đất làm nhà ở. UBND xã BV đã tạm thời cấp diện tích đất trên cho vợ chồng anh BST, chị LTX làm nhà ở ổn định, không tranh chấp với các hộ liền kề. Quy hoạch thửa đất nằm khu vực đất thổ cư, đã có trích lục bản đồ tại xã và đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình sử dụng, anh BST và chị LTX tự ý chuyển nhượng cho anh Lý Phú Văn 360m^2 không qua chính quyền địa phương. Hiện tại anh BST và chị LTX chỉ còn sử dụng 365 m^2 đất.

* Tại Công văn số 52/TNMT ngày 18-9-2018 của Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện BV xác định theo bản đồ 299 giai đoạn 1985 - 1986 đang lưu trữ tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện BV thì diện tích 725m^2 đất do anh BST và chị LTX sử dụng thuộc thửa đất 425 có tổng diện tích 9.575m^2, loại đất: lâm nghiệp (rừng thông). Theo Luật Đất đai năm 2003, diện tích đất anh BST và chị LTX tự ý chuyển nhượng cho anh Lý Phú Văn không đủ điều kiện để thực hiện các giao dịch về đất đai do không có giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất, thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với việc có tiếp tục giao cho anh BST và chị LTX sử dụng đất trên và thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện BV đề nghị Tòa án căn cứ vào nguồn gốc sử dụng đất, mục đích sử dụng đất, thời điểm sử dụng đất theo mục đích hiện tại, quy hoạch sử dụng đất và việc anh BST và chị LTX có chỗ ở khác hay không. Nếu gia đình anh BST và chị LTX không có chỗ ở nào khác, chưa được Nhà nước xem xét giao đất thì được giao đất ở (không qua đấu giá quyền sử dụng đất theo điểm g, h khoản 2 Điều 118 Luật Đất đai năm 2013).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh BSP khai cho em trai ruột là BST vay số tiền 5.000.000 đồng, khi vay chị LTX có biết. Ngày 04-4-2009, anh BSP tiếp tục cho anh BST vay số tiền là 10.000.000 đồng, nhưng không xác định được chị LTX biết hay không. Tổng số tiền anh BST vay anh BSP là 15.000.000 đồng. Anh BSP đề nghị Tòa án buộc anh BST và chị LTX phải cùng có trách nhiệm trả cho anh BSP số tiền 15.000.000 đồng nêu trên.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh BSV khai: Ngày 19-11-2013, anh BSV cho anh ruột là BST vay 20.000.000 đồng. Ngày 05-02-2014 anh BSV tiếp tục cho anh BST vay 30.000.000 đồng. Thời hạn trả là ngày 05-02-2015. Anh BSV không xác định được chị LTX biết việc anh BST vay tiền như nêu trên hay không. Anh BSV khai đòi tiền nhiều lần nhưng đến nay anh BST vẫn chưa trả nên đề nghị Tòa án buộc anh BST và chị LTX phải cùng có trách nhiệm trả 50.000.000 đồng nêu trên.

* Anh Bàn Sinh Trung là em trai anh BST và anh Dương Phú Nguyên (là anh rể anh BST) cùng anh Lý Văn Bảy (là em trai chị LTX) không yêu cầu đòi nợ, không nộp tạm ứng án phí yêu cầu độc lập và từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án.

* Chị LTX chỉ thừa nhận khoản tiền anh BST vay để trả nợ cá nhân số tiền 5.000.000 đồng của anh BSP và 10.000.000 đồng của anh Dương Phú Nguyên. Ngoài ra chị LTX không chấp nhận những khoản nợ mà anh BST khai như trên.

Với nội dung như trên, tại Bản án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm số 66/2018/HNGĐ-ST ngày 28-9-2018 của Tòa án nhân dân huyện BV đã căn cứ vào các Điều 59, Điều 62, Điều 63 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 213, Điều 219 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 35 , Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 25, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu chia tài sản chung sau khi đã ly hôn của chị LTX đối với anh BST.

2. Xác định 365m^2 đất thuộc tờ bản đồ số 2, thửa số 425 thôn Yên Sơn, xã BV, huyện BV, thành phố Hà Nội; trên đất có 01 nhà cấp 4 và công trình phụ kèm theo (là đất nguồn gốc khai hoang, thuộc loại đất thổ cư chưa làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo trích lục thửa đất UBND xã BV ngày 20-11-2014), cùng toàn bộ tài sản trên đất là tài sản chung của anh BST và chị LTX.

Tạm giao cho chị LTX quyền quản lý, sử dụng đất đối với diện tích đất 257, tại thửa số 425, tờ bản đồ số 02 thuộc thôn Yên Sơn, xã BV, huyện BV. Quyền sở hữu tài sản trên đất gồm 01 nhà ở cấp 4, 01 sân đổ bê tông (ranh giới thửa đất tính từ các mốc 1, 2, 5, 6 - theo Mảnh trích đo đạc địa chính số 01-2018). Giá trị tài sản chị LTX được giao gồm:

- Diện tích 257.7m^2 có giá trị: (101.390.000 đồng : 365) x 257,7m^2 = 71.584.117 đồng.

- 01 nhà cấp 4, xây dựng năm 2006, diện tích 71,4m^2 = 36.485.000 đồng.

- 01 sân đổ bê tông, diện tích 73,7m^2 = 11.646.000 đồng.

Tổng giá trị là: 119.715.117 đồng.

Tạm giao cho anh BST quyền quản lý, sử dụng đất đối với diện tích đất 107,3 m^2 tại thửa số 425, tờ bản đồ số 02 thuộc thôn Yên Sơn, xã BV, huyện BV. Quyền sở hữu tài sản trên đất gồm 01 chuồng chăn nuôi, 01 nhà bếp, 01 nhà vệ sinh (ranh giới thửa đất tính từ các mốc 2, 3, 4, 5 - theo Mảnh trích đo đạc địa chính số 01-2018). Giá trị tài sản anh BST được giao gồm:

- Diện tích 107,3m^2 có giá trị: (101.390.000 đồng : 365) x 107,3m^2 = 29.805.883 đồng.

- 01 nhà bếp lợp Pro xi măng, diện tích 16,12m^2 = 7.367.000 đồng.

- 01 nhà vệ sinh đổ mái bằng, diện tích 8,51m^2 = 20.406.000 đồng.

Tổng giá trị là: 57.578.883 đồng.

Chị LTX phải thanh toán tiền chênh lệch giá trị tài sản chung được giao cho anh BST là: (Giá trị tài sản của chị Xuân - Giá trị tài sản của anh Thọ) : 2 = (119.715.117 đồng - 57.578.883 đồng) : 2 = 31.068.117 đồng.

Về tiền thanh toán chênh lệch tài sản chung: Chị LTX phải trả cho anh BST là 31.068.0000 đồng. Anh BST là người phải trả anh BSP nợ chung nên chị LTX phải trả anh BST tiền trả nợ anh BSP là 2.500.000 đồng. Tổng số tiền chị LTX trả cho anh BST là 33.568.000 đồng.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, anh BST có đơn yêu cầu thi hành án mà chị LTX chưa thanh toán khoản tiền trên thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

Phần diện tích đất và tài sản của chị LTX, anh BST được chia có sơ đồ trích đo địa chính thửa đất kèm theo. Sau khi án có hiệu lực pháp luật trong thời hạn 30 ngày, anh BST phải di chuyển tài sản của mình đi nơi khác, trả lại phần đất và tài sản chị LTX được chia để chị LTX quản lý, sở hữu.

Chị LTX, anh BST căn cứ phần đất của mình được tạm giao, sau khi án có hiệu lực pháp luật đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử đụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Buộc anh BST phải trả nợ cho anh BSP 15.000.000 đồng, trong đó có 5.000.000 đồng là nợ chung; trả cho anh BSV 50.000.000 đồng.

Bác yêu cầu của anh BST cho rằng tổng số nợ anh BSP và anh BSV 60.000.000 đồng là nợ chung của vợ chồng.

4. Về chi phí thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản: Buộc anh BST phải hoàn trả cho chị LTX là 2.900.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn xác định về án phí dân sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 10-10-2018, anh BST nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do như sau:

- Không đồng ý với quyết định của bán án về phần định giá tài sản chung, hội đồng định giá thấp.

- Về nợ chung, anh BST cho rằng đã vay anh BSP 15.000.000 đồng, vay anh BSV 50.000.000 đồng với tư cách cá nhân nhưng sử dụng vào việc chung của gia đình. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận nợ chung là vay anh BSP 5.000.000 đồng mà không xác định số tiền 60.000.000 đồng vay của anh BSV và anh BSP là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm mở ngày 14-5-2019 chị LTX nộp đơn xin rút yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung sau ly hôn, được anh BST đồng ý. Tại phiên tòa, anh BST đề nghị tạm ngừng để thống nhất với các anh em trai là BSV và BSP giải quyết trách nhiệm trả nợ. Tuy nhiên, ngày hôm nay (23-5-2019) phiên tòa mở lại thì anh BST vắng mặt không lý do. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội liên lạc điện thoại số 0396334055 thì anh BST thông báo do đường xa nên không đến phiên tòa nữa. Anh BSV và anh BSP vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về hoạt động tiến hành tố tụng của Tòa án và Hội đồng xét xử phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật. Đương sự đã được Tòa án tạo điều kiện thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng. Nguyên đơn xin rút đơn khởi kiện về nội dung chia tài sản chung và bị đơn đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung. Bị đơn kháng cáo là anh BST được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa mở lần thứ 3 mà không lý do nên đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh BST về trách nhiệm trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Anh BST là bị đơn trong vụ án đã kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

[2]. Xét kháng cáo của anh BST về tài sản.

Tại phiên tòa mở ngày 14-5-2019, chị LTX làm đơn xin rút đơn khởi kiện yêu

cầu chia tài sản chung và bị đơn là anh BST đã đồng ý với việc rút đơn khởi kiện. Tại phiên tòa hôm nay (23-5-2019) chị LTX vẫn giữ quan điểm rút đơn khởi kiện chia tài sản chung. Anh BST được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do chính đáng, cho rằng đường xa nên không đến tham gia phiên tòa. Xét thấy, việc rút yêu cầu phân chia tài sản của các đương sự là tự nguyện nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 299 Bộ luật Tố tụng dân sự để hủy phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết yêu cầu của chị LTX về chia tài sản chung sau ly hôn.

[3]. Xét kháng cáo của anh BST về nợ chung.

Bản án sơ thẩm đã giải quyết về trách nhiệm trả nợ, cụ thể:

- Xác định nợ chung của chị LTX và anh BST là 5.000.000 đồng vay của anh BSP, mỗi người phải chịu trách nhiệm trả 2.500.000 đồng.

- Buộc anh BST trả anh BSP 15.000.000 đồng, trả anh BSV 50.000.000 đồng.

Do anh BST được triệu tập hợp lệ phiên tòa lần thứ 3 nhưng vắng mặt không lý do, không gửi đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự cần đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh BST về phần xác định trách nhiệm trả nợ của bản án sơ thẩm.

Bản án sơ thẩm đã sử dụng hình thức trả nợ của chị LTX đối với anh BSP thông qua anh BST. Nay do chị LTX và anh BST rút yêu cầu phân chia tài sản nên cần sửa lại hình thức trả nợ của chị LTX cho phù hợp.

Về án phí sơ thẩm:

Theo quy định tại khoản 6 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì chị LTX, anh BST vẫn phải chịu án phí theo quyết định của bản án sơ thẩm và phải chịu 50% án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm tính án phí về chia tài sản và trả nợ không đúng nên cần sửa lại cho phù hợp. Cụ thể:

- Giá trị tài sản chung là 177.294.000 đồng. Chị LTX và anh BST mỗi người được sở hữu theo phần bằng 88.647.000 đồng nên mức án phí có giá ngạch là 4.432.350 đồng.

- Chị LTX và anh BST phải trả nợ anh BSP 5.000.000 đồng nên mức án phí giá ngạch là 300.000 đồng, mỗi người phải chịu 150.000 đồng.

- Anh BST phải trả nợ riêng là 60.000.000 đồng nên mức án phí là 3.000.000 đồng.

Tổng tiền án phí sơ thẩm anh BST phải nộp là 7.582.350 đồng.

Tổng tiền án phí sơ thẩm chị LTX phải nộp là 4.582.350 đồng. Xét hoàn cảnh chị LTX khó khăn về kinh tế, đơn có xác nhận của UBND xã BV nên được giảm 3.000.000 đồng án phí. Chị LTX phải nộp 1.582.350 đồng án phí, được đối trừ trong

số tiền đã nộp tạm ứng và được trả lại số tiền còn lại.

Án phí phúc thẩm: Anh BST phải chịu 150.000 đồng án phí phúc thẩm, được đối trừ trong số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng áp phí phúc thẩm tại Biên lai số 8867 ngày 10-10-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BV. Đối trừ 150.000 đồng còn lại trong nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm của anh BST như đã nhận định.

Từ những nhận định trên,

Căn cứ khoản 4 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

I. Hủy phần Bản án sơ thẩm số 66/2018/HNGĐ-ST ngày 28-9-2018 của Tòa án nhân dân huyện BV về nội dung chia tài sản chung sau ly hôn giữa chị LTX và anh BST.

II. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh BST về nội dung giải quyết trách nhiệm trả nợ tại Bản án sơ thẩm số 66/2018/HNGĐ-ST ngày 28-9-2018 của Tòa án nhân dân huyện BV.

Nội dung quyết định Bản án sơ thẩm số 66/2018/HNGĐ-ST ngày 28-9-2018 của Tòa án nhân dân huyện BV giải quyết trách nhiệm trả nợ có hiệu lực pháp luật. Cụ thể:

- Chị LTX và anh BST mỗi người phải trả anh BSP 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- Anh BST phải trả anh BSP 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) và trả anh BSV 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, anh BSP và anh BSV có đơn yêu cầu thi hành án mà chị LTX và anh BST chưa thanh toán khoản tiền trên thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

III. Về án phí:

- Anh BST phải nộp 7.582.350 đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản.

- Anh BST phải nộp 150.000 đồng án phí phúc thẩm, được đối trừ trong số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng áp phí phúc thẩm tại Biên lai số 8867 ngày 10-10-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BV. Trả lại anh BST 150.000 đồng còn lại.

- Giảm 3.000.000 đồng án phí sơ thẩm cho chị LTX.

- Chị LTX còn phải nộp 1.582.350 đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản, được đối trừ trong số tiền 3.750.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm tại Biên lai số 8189 ngày 11-12-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BV. Trả lại chị LTX 2.167.650 đồng đã nộp tạm ứng án phí còn lại.

IV. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND huyện BV;
- Chi cục THADS huyện BV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

Lê Trí Cường